

NỘI DUNG CHI TIẾT VỀ VẬN ĐƠN HÀNG KHÔNG

Vận đơn đường hàng không là chứng từ được sử dụng trong quá trình vận chuyển hàng hóa bằng máy bay, do người chuyên chở phát hành cho fwd/chủ hàng để xác nhận việc đã nhận hàng và vận chuyển hàng.

1. Chức năng vận đơn đường hàng không Air Waybill (AWB):

Vận đơn đường hàng không có 2 chức năng vô cùng quan trọng sau:

- Biên lai giao hàng cho người chuyên chở,
- Bằng chứng của hợp đồng vận chuyển.

Cần lưu ý rằng,AWB không phải là chứng từ sở hữu, do đó không thể chuyển nhượng được như vận đơn đường biển (loại theo lệnh). Trong trường hợp ngoại lệ, để thanh toán bằng tín dụng thư (L/C), 2 bên mua bán sẽ phải thỏa thuận và phải làm thêm thủ tục cần thiết (chẳng hạn như: thư cam kết đảm bảo) nhờ ngân hàng chấp nhận “ký hậu” vào mặt sau AWB để lấy hàng.

Về mặt trình tự, sau khi người gửi hàng giao hàng cho hãng vận chuyển (carrier) và hoàn tất thủ tục hải quan xuất khẩu, thì sẽ được bên vận chuyển cấp vận đơn hàng không. Do thời gian vận chuyển bằng máy bay rất nhanh so với tàu biển, nên một bộ AWB sẽ được gửi kèm cùng hàng hóa để các bên có thể tham chiếu nhanh và giúp người nhận hàng làm sớm thủ tục nhập hàng tại nơi đích đến.

Vận đơn gốc AWB sẽ được phát hành cùng lúc nhiều bản cho nhiều bên như người chuyên chở, người nhận hàng, người gửi hàng... Sau khi hàng đến đích, người nhận hàng hoặc đại lý của họ đến văn phòng người chuyên chở để nhận AWB cùng bộ chứng từ gửi kèm theo hàng hóa. Tùy theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán, người nhập khẩu cũng có thể nhận AWB và bộ chứng từ gốc qua đường chuyển phát nhanh trước khi hàng đến để làm thủ tục nhập khẩu.

2. Phân loại vận đơn đường hàng không (Air Waybill):

Air waybill có 2 loại thường gây nhầm lẫn. Vì vậy, có rất nhiều người chưa phân biệt được giữa MAWB và HAWB có điểm gì khác nhau và

Thực tế thì cả MAWB và HAWB đều là vận đơn hàng không, nhưng được cấp bởi 2 chủ thể khác nhau:

- HAWB là viết tắt của *House Air Waybill* (vận đơn nhà), do người giao nhận cấp
- MAWB là *Master Air Waybill* (vận đơn chủ), do hãng hàng không cấp

Nói cách khác, khi chủ hàng lưu chỗ (book) với công ty giao nhận hàng không, bên giao nhận sẽ cấp HAWB. Tới lượt mình, người giao nhận book lại chỗ với hãng hàng không cho lô hàng đó, thì sẽ được hãng cấp MAWB cho người giao nhận.

3. Nội dung và thuật ngữ ghi trên vận đơn đường hàng không:

Mẫu vận đơn hàng không do IATA (Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế) quy định. Dưới đây là mẫu và nội dung AWB hãng hàng không UPS (Mỹ) để bạn có thể tham khảo.

NỘI DUNG MẶT TRƯỚC VẬN ĐƠN

Shipper name and address: Thông tin tên và địa chỉ người gửi hàng

Consignee name and address: Thông tin tên và địa chỉ người nhận hàng

AWB number: Số vận đơn

Airport of departure: Sân bay xuất phát

Issuing carrier's name and address: Tên và địa chỉ của người phát hành vận đơn

Issuing carrier's agent: Đại lý của người chuyên chở

Routine: Tuyến đường

Accounting information: Thông tin thanh toán

Currency: Tiền tệ

Charges codes: Mã thanh toán cước

Charges: Cước phí và chi phí

Declare value for carriage: Giá trị kê khai vận chuyển

Declare value for customs: Giá trị khai báo hải quan

Amount of insurance: Số tiền bảo hiểm

Handing information: Thông tin làm hàng

Number of pieces: Số kiện

Other charges: Các chi phí khác

Prepaid: Cước và chi phí trả trước

Collect: Cước và chi phí trả sau

Shipper of certification box: Ô ký xác nhận của người gửi hàng

Carrier of execution box: Ô dành cho người chuyên chở

For carrier of use only at destination: Ô chỉ dành cho người chuyên chở ở nơi đến

Collect charges in destination currency, for carrier of use only: Cước trả sau bằng đồng tiền ở nơi đến, chỉ dùng cho người chuyên chở.

Nguồn tham khảo.

